

**CÔNG TY CỔ PHẦN TUẦN PHÁT GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TUẦN PHÁT GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUAN PHAT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TUAN PHAT GROUP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703206070

**3. Ngày thành lập:** 24/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 360 đường Nguyễn Đức Thuận, Khu phố 5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0944030165

Fax:

Email: [tuangroupco.ltd@gmail.com](mailto:tuangroupco.ltd@gmail.com) Website: [m](http://m)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                  | 4390        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                               | 4620        |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                         | 4661        |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy hải sản. Bán buôn sản phẩm gà thịt, gà đẻ trứng, gà giống, vịt thịt, vịt giống, vịt đẻ trứng và các loại gia cầm khác. Bán buôn thuốc thú y. | 4669        |
| 11. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0146(Chính) |
| 12. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                          | 0162        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                      | 0163        |
| 14. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                                                          | 0322        |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                | 6810        |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                    | 6820        |

Thời gian đăng từ ngày 25/04/2024 đến ngày 25/05/2024

|     |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 17. | Hoạt động thú y                                                                                                                                                                                                                               | 7500                                                         |
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                             | 4690                                                         |
| 19. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                               | 1010                                                         |
| 20. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                 | 1080                                                         |
| 21. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                           | 2012                                                         |
| 22. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học và hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm                                                                         | 2029                                                         |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                | 4933                                                         |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                   | 5210                                                         |
| 25. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị chăn nuôi                                                                                                                                                                 | 3290                                                         |
| 26. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                             | 4101                                                         |
| 27. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                       | 4102                                                         |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                    | 4299                                                         |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                         | 4321                                                         |
| 30. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4772                                                         |
| 31. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                             | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HUỖNH VĂN<br>TRUNG | 59/134/15 Đường<br>102, Phường<br>Tăng Nhơn Phú<br>A, Thành phố Thủ<br>Đức, Thành phố<br>Hồ Chí Minh,<br>Việt Nam                              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000        | 450.000.000              | 3,000        | 0480830009<br>62                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Tổng số                            | 45.000        | 450.000.000              | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHAM MINH<br>TUẤN  | Số 459/28/19<br>đường Nguyễn<br>Đức Thuận, Tổ<br>88, Khu 6,<br>Phường Hiệp<br>Thành, Thành phố<br>Thủ Dầu Một,<br>Tỉnh Bình Dương,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 517.500       | 5.175.000.000            | 34,500       | 0870900010<br>00                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                | Tổng số                            | 517.500       | 5.175.000.000            | 34,500       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                                         |                           |         |               |        |              |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRƯƠNG VĂN ĐẠT    | Số 29/15 đường TL14, Tổ 5, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 255.000 | 2.550.000.000 | 17,000 | 027090015276 |
|   |                   |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Tổng số                   | 255.000 | 2.550.000.000 | 17,000 |              |
|   |                   |                                                                                                         |                           |         |               |        |              |
| 4 | NGUYỄN HỒNG NHUNG | 352 Nguyễn Đức Thuận, Tổ 73, Khu 5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 10,000 | 094191002571 |
|   |                   |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 10,000 |              |
|   |                   |                                                                                                         |                           |         |               |        |              |
| 5 | NGUYỄN MINH HIỆP  | 60A/73E, Khóm 3, Phường 3, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông         | 225.000 | 2.250.000.000 | 15,000 | 086084000609 |
|   |                   |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                         | Tổng số                   | 225.000 | 2.250.000.000 | 15,000 |              |
|   |                   |                                                                                                         |                           |         |               |        |              |

|   |                |                                                                                                                              |                           |         |               |        |              |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 6 | PHAN MINH NHÂN | 015, Đường N1, Khu Nhà ở xã hội Hiệp Phát, Tổ 73, Khu 5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 112.500 | 1.125.000.000 | 7,500  | 082086016940 |
|   |                |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Tổng số                   | 112.500 | 1.125.000.000 | 7,500  |              |
|   |                |                                                                                                                              |                           |         |               |        |              |
| 7 | PHẠM CHÍ CƯỜNG | Áp An Thạnh, Xã An Phú Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam                                                     | Cổ phần phổ thông         | 180.000 | 1.800.000.000 | 12,000 | 087091001213 |
|   |                |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Tổng số                   | 180.000 | 1.800.000.000 | 12,000 |              |
|   |                |                                                                                                                              |                           |         |               |        |              |
| 8 | NGÔ VĂN NHÂN   | Áp 07, Xã Lộc Thuận, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam                                                               | Cổ phần phổ thông         | 15.000  | 150.000.000   | 1,000  | 070084005939 |
|   |                |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              | Tổng số                   | 15.000  | 150.000.000   | 1,000  |              |
|   |                |                                                                                                                              |                           |         |               |        |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

